

Trường Đại học Ngoại thương
Khoa Kinh tế và Kinh doanh quốc tế

Môn học: Đầu tư quốc tế

Giảng viên: Nguyễn Thị Việt Hoa
Tel.: 0904 222 666
Email: nguyenthiviethoa@gmail.com

Chương 4: TỰ DO HOÁ ĐẦU TƯ VÀ CÁC KHU VỰC ĐẦU TƯ TỰ DO

- 4.1. Xu hướng tự do hóa đầu tư
 - 4.1.1. Khái niệm và nội dung tự do hóa đầu tư
 - 4.1.2. Tự do hóa đầu tư – xu thế tất yếu trong điều kiện toàn cầu hóa
 - 4.1.3. Xu hướng tự do hóa đầu tư ở các nước và trên thế giới
- 4.2. Những bước tiến mới trong chính sách đầu tư
 - 4.2.1. Cấp quốc gia
 - 4.2.2. Cấp quốc tế
- 4.3. Các khu vực đầu tư tự do
 - 4.3.1. Khu vực đầu tư ASEAN (AIA)
 - 4.3.2. Khu vực đầu tư EU (AIA)
 - 4.3.3. Khu vực đầu tư Bắc Mỹ (NAIA)
 - 4.3.4. Xu hướng liên kết Đông Á và ý tưởng về Khu vực đầu tư Đông Á
- 4.4. Nhận xét rút ra từ việc nghiên cứu quá trình tự do hóa đầu tư trên thế giới

Yêu cầu của chương

- Khái niệm, nội dung tự do hóa đầu tư và tính tất yếu của tự do hóa đầu tư trong điều kiện toàn cầu hóa.
- Quá trình tự do hóa đầu tư diễn ra ở các nước, trên thế giới, ở một số nhóm nước, một số khu vực.
- Các khu vực đầu tư tự do trên thế giới

3

Câu hỏi ôn tập

1. Tự do hóa đầu tư là gì? Cho đến nay đã có nước nào trên thế giới có chế độ đầu tư hoàn toàn tự do chưa? Tại sao?
2. Nội dung cơ bản của tự do hóa đầu tư là gì?
3. Tại sao nói tự do hóa đầu tư là xu thế tất yếu hiện nay?
4. Tự do hóa đầu tư đơn phương của các quốc gia trên thế giới hiện nay đang diễn ra như thế nào?
5. Tự do hóa đầu tư song phương hiện đang diễn ra như thế nào?
6. Nêu xu hướng tự do hóa đầu tư ở cấp độ khu vực và liên khu vực hiện nay.
7. Tự do hóa đầu tư trên phạm vi toàn cầu diễn ra như thế nào?
8. So sánh các khu vực đầu tư ASEAN (AIA), EU (EIA) và Bắc Mỹ (NAIA).
9. Tự do hóa đầu tư diễn ra như thế nào ở Việt Nam?

4

4.1.1.1. Khái niệm tự do hoá đầu tư

- Theo giới kinh doanh Anh và Châu Âu, *chế độ đầu tư tự do là một chế độ đầu tư đáp ứng các yêu cầu sau: không phân biệt đối xử, minh bạch, ổn định* (TUKP, 1998).
- Theo Murray Dobbin (Canada), *tự do hóa về thương mại và đầu tư được hiểu là không bị ràng buộc bởi các qui định của luật pháp, chính sách* (Dobbin, 1998).
- Trong tuyên bố Bogor của APEC “*đầu tư và thương mại mở và tự do*” được thực hiện bằng cách giảm dần các rào cản đối với thương mại và đầu tư và khuyến khích sự lưu chuyển tự do về hàng hóa, dịch vụ và vốn giữa các nền kinh tế thành viên” (APEC, 1994)
- Theo Susan Bryce (Úc), *tự do hóa đầu tư là không bị ràng buộc bởi hoặc dỡ bỏ dần các qui định và các hạn chế mà chính phủ các nước đặt ra cho các nhà đầu tư nước ngoài* (Bryce, 1998)

5

4.1.1.1. Khái niệm tự do hoá đầu tư (tiếp)

Tự do hóa đầu tư là quá trình trong đó các rào cản đối với hoạt động đầu tư, các phân biệt đối xử trong đầu tư được từng bước dỡ bỏ, các tiêu chuẩn đối xử tiến bộ dần dần được thiết lập và các yếu tố để đảm bảo sự hoạt động đúng đắn của thị trường được hình thành.

6

4.1.1.2. Nội dung tự do hoá đầu tư

Loại bỏ rào cản,
ưu đãi

Thiết lập tiêu chuẩn
đối xử tiên bộ

Tăng cường giám
sát thị trường

- Hạn chế liên quan đến việc tiếp nhận và thành lập;
- Hạn chế về vốn và quyền kiểm soát của nước ngoài;
- Những hạn chế về hoạt động ;
- Các rào cản mang tính hành chính;
- Các ưu đãi về thuế;
- Các ưu đãi khác về tài chính;
- Miễn thực hiện một số qui định của pháp luật.

- Không phân biệt đối xử;
- Đối xử công bằng và bình đẳng;
- Sử dụng công cụ quốc tế để giải quyết tranh chấp;
- Chuyển tiền;
- Tính minh bạch;
- Bảo hộ khỏi việc tước đoạt quyền sở hữu.

Hạn chế, xóa bỏ sự
can thiệp của chính
phủ

7

4.1.2. Tự do hóa đầu tư – xu thế tất yếu trong điều kiện toàn cầu hóa

- 4.1.2.1. Toàn cầu hóa – xu thế không thể đảo ngược trong quan hệ kinh tế quốc tế hiện đại
- 4.1.2.2. Mối quan hệ hữu cơ giữa toàn cầu hóa kinh tế và tự do hóa đầu tư

8

4.1.3. Xu hướng tự do hóa đầu tư ở các nước và trên thế giới

- 4.1.3.1. Tự do hóa đầu tư trước năm 1990
- 4.1.3.2. Tự do hóa đầu tư sau năm 1990

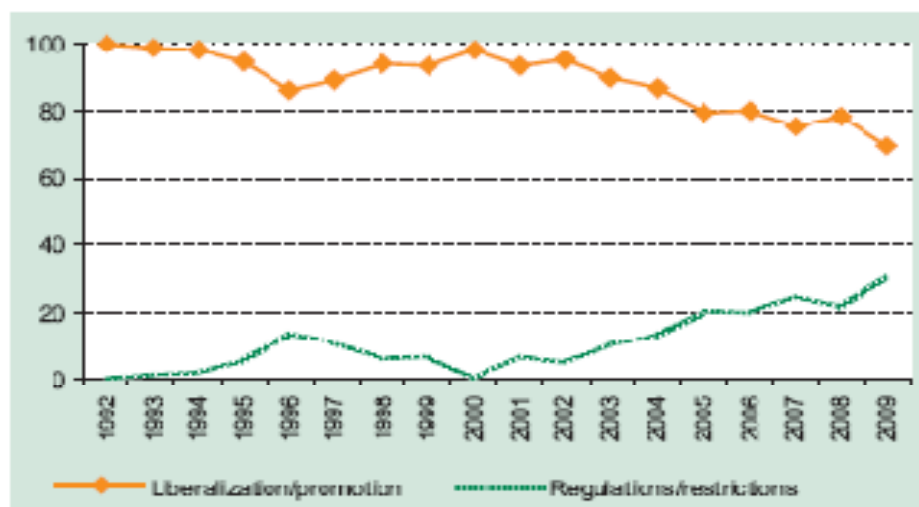
9

4.2. Những bước tiến mới trong chính sách FDI

- 4.2.1. Cấp quốc gia
 - 4.2.1.1. Cải cách luật pháp và chính sách theo hướng tự do hóa
 - 4.2.1.2. Có một số thay đổi đi ngược lại với xu hướng tự do hóa
- 4.2.2. Cấp quốc tế
 - 4.2.2.1. Các hiệp định đầu tư song phương
 - 4.2.2.2. Tự do hóa đầu tư trên phạm vi toàn cầu

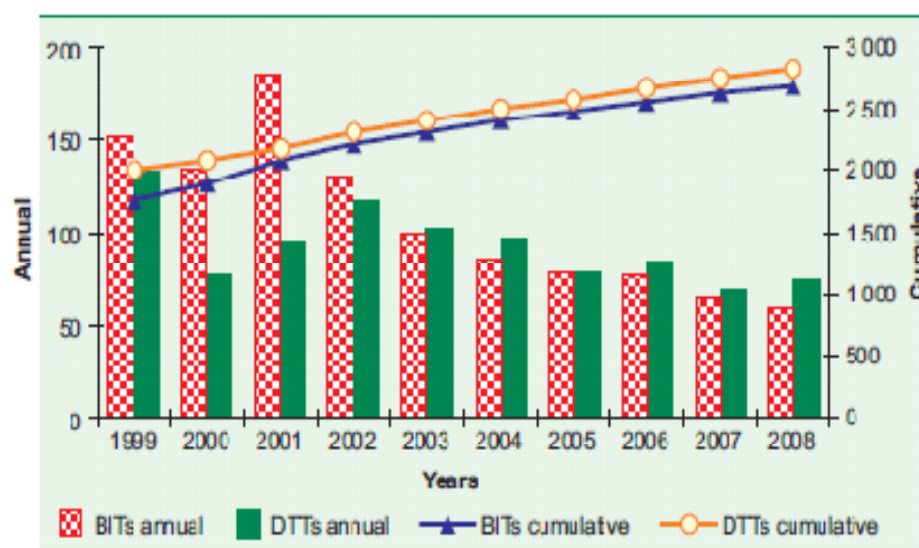
10

Figure III.1. National regulatory changes, 1992–2009
(Per cent)



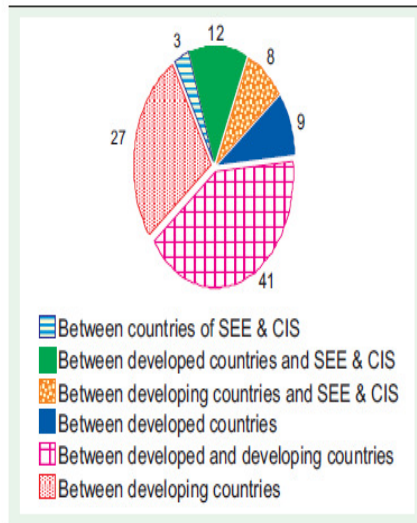
Source: UNCTAD database on national laws and regulations.

Figure I.21. Number of BITs and DTTs concluded, annual and cumulative, 1999–2008



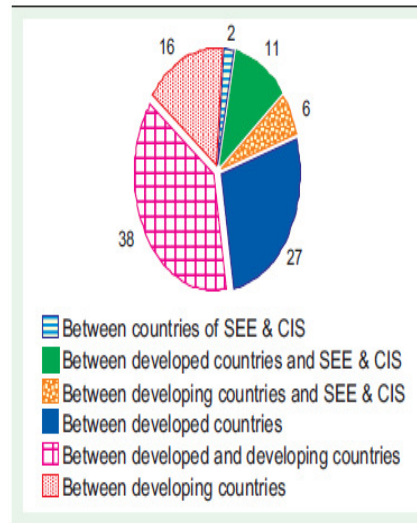
Source: UNCTAD (www.unctad.org/ia).

Figure I.12. Total number of BITs concluded at the end of 2007, by country group (Per cent)



Source: UNCTAD (www.unctad.org/ia).

Figure I.13. Total number of DTTs concluded at the end of 2007, by country group (Per cent)



Source: UNCTAD (www.unctad.org/ia).

4.3. Các khu vực đầu tư tự do

- 4.3.1. Khu vực đầu tư ASEAN
- 4.3.2. Khu vực đầu tư EU
- 4.3.3. Khu vực đầu tư Bắc Mỹ
- 4.3.4. Xu hướng liên kết Đông Á